

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:155/2018/DS-PT
Ngày: 31/8/2018.
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Lễ

Các Thẩm phán: Ông Lưu Hữu Giàu

Bà Trần Thị Thúy Hà

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Huy Phong - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 104/2018/TLPT-DS ngày 05 tháng 7 năm 2018 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 174/2018/QĐ-PT ngày 10/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 141/2018/QĐ-PT ngày 06/8/2018;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2018/DS-ST ngày 09/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh An Giang bị kháng cáo, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Nguyễn Huỳnh Y, sinh năm 1985, nơi cư trú: ấp G, xã Ph, thị xã T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn B, sinh năm 1981, nơi cư trú: Tổ 17, ấp K, xã Kh, huyện Ch, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Bình: Luật sư Nguyễn Hữu Đ - Văn phòng Luật sư Nguyễn Đ – Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. Địa chỉ đặt tại: Số 46/47, đường L, khóm Q 02, phường B, thành phố Đ, tỉnh An Giang;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1979, nơi cư trú: Tổ 17, ấp K, xã Kh, huyện Ch, tỉnh An Giang.

Bà Y ông B, ông H và Luật sư Nguyễn Hữu Đ có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đỗ Nguyễn Huỳnh Y trình bày: Ông B có đến nhà bà chơi nhiều lần nên có quen biết nhau. Sau đó, ông B hỏi vay tiền của bà nhiều lần, mỗi lần vay ông B đều có viết biên nhận nợ. Khi Ông B trả tiền thì bà trả lại biên nhận nợ cho ông B. Do ông B uy tín nên ngày 22/6/2016, ông B tiếp tục hỏi vay của bà số tiền 92.000.000 đồng, thỏa thuận thời gian 03 tháng trả dứt nợ với lãi xuất 1,5%/tháng. Nhưng, kể từ khi vay số tiền 92.000.000 đồng đến nay thì ông B không đóng lãi, cũng như không trả vốn gốc. Nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông B trả vốn gốc 92.000.000 đồng cộng với lãi 1,5%/tháng từ ngày 22/6/2016 cho đến khi thi hành án xong;

Bị đơn ông Nguyễn Tấn B trình bày: ông thừa nhận toàn bộ nội dung trong “giấy mượn tiền” đề ngày 22/6/2016 là do ông viết, ghi họ tên và ký tên Nguyễn Tấn B, cũng như ông tự ký tên và ghi họ tên Nguyễn Tấn H, toàn bộ nội dung trong “giấy mượn tiền” đề ngày 22/6/2016 là do bà Y đọc cho ông viết và ông chỉ vay của bà Y số tiền 25.000.000 đồng vào năm 2014 vì có những tháng không đóng lãi từ năm 2014 nên đến ngày 22/6/2016 ông ghi “Giấy mượn tiền” với bà Y tổng số tiền vay là 92.000.000 đồng (trong đó vốn gốc là 25.000.000 đồng, số còn lại là tiền lãi cộng vào). Ông B đồng ý trả số tiền vay 25.000.000 đồng, không đồng ý trả số tiền 92.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của bà Y.

Người có quyền lợi, người vụ liên quan ông Nguyễn Tấn H trình bày: Ngày 22/6/2016 ông B viết giấy mượn tiền, thì ông hoàn toàn không có chứng kiến vụ việc; Nhưng, ông có nộp tiền lãi do ông B trả vào tài khoản của bà Y 02 lần tại ngân hàng ACB và đóng lãi nhiều lần tại quán cà phê, những lần ông H nộp tiền lãi vào tài khoản của bà Y tại Ngân hàng, cũng như đóng lãi nhiều lần tại quán cà phê là trước khi ông B viết giấy mượn tiền bà Y số tiền 92.000.000 đồng (chín mươi hai triệu) vào ngày 22/6/2016;

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2018/DS-ST ngày 09/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ch đã quyết định:

Áp dụng Điều 26, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357; Điều 466; Điều 468; khoản 2 Điều 470 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Pháp lệnh 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí tòa án;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y, buộc ông B có trách nhiệm trả cho bà Y 109.265.000 (Một trăm lẻ chín triệu hai trăm sáu mươi lăm ngàn) đồng; trong đó vốn gốc 92.000.000 đồng, lãi 17.265.000 đồng;

Ngoài ra án sơ thẩm có tuyên về duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/KCTT ngày 23/01/2017; án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/5/2018 bị đơn Nguyễn Tấn B và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tấn H cùng kháng cáo với nội dung: yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên vô hiệu giấy mượn tiền viết tay ngày 22/6/2016; ông B cho rằng không có nợ bà Y số tiền 92.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn Nguyễn Tấn B và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tấn H nộp trong hạn luật định, có đóng tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn không rút yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Đỗ Nguyễn Huỳnh Y căn cứ vào giấy mượn tiền vào ngày 22/6/2016 khởi kiện ông Nguyễn Tấn B số tiền 92.000.000 đồng; do ông B ký tên và ghi đã nhận đủ và ông B ký tên thay ông Nguyễn Tấn H là người làm chứng.

Tại biên bản hòa giải ngày 08/3/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Nguyễn Tấn B thừa nhận giấy mượn tiền đề ngày 22/6/2016 là do ông viết, chữ ký, chữ viết ghi họ tên Nguyễn Tấn B và Nguyễn Tấn H đều do ông viết và ký tên, việc viết giấy mượn nợ không có ông H chứng kiến, nhưng nội dung là do bà Y đọc cho ông viết nhưng ông B cho rằng vay tiền của bà Y từ năm 2014 và chỉ vay có 25.000.000 đồng và đã đóng lãi cho bà Y nhiều lần là nộp tiền trực tiếp vào tài khoản của bà Y tại Ngân hàng và đã cung cấp chứng cứ là các giấy đóng tiền vào tài khoản Ngân hàng cho bà Y, cho Tòa án; Ngoài ra có lần ông đưa trực tiếp cho bà Y tại quán cà phê. Do ông không tiếp tục đóng lãi nên ngày 22/6/2016, bà Y có yêu cầu ông viết giấy mượn tiền với số tiền 92.000.000 đồng (đây là khoản tiền cộng dồn vốn gốc và lãi). Phía nguyên đơn cũng thừa nhận là có cho bị đơn vay trước đó nhưng tất cả đã thanh toán xong, và đã trả lại các biên nhận khi trả đủ tiền, đối với số tiền 92.000.000 đồng là ông B vay đến nay chưa trả, giấy mượn tiền ghi ngày 22/6/2016 là do ông B viết và ký tên và cũng được ông B thừa nhận, trong khi viết không có ông Hòa chứng kiến, việc viết, ký tên ghi họ Nguyễn Tấn H là do ông thực hiện toàn bộ nội dung trong giấy mượn tiền là do bà Y đọc cho ông viết; sau khi vay tiền của bà Y thì ông nhiều lần đóng lãi cho bà Y với cách thức nộp tiền vào tài khoản của bà Y tại Ngân hàng nhưng lời khai của ông B không được bà Y thừa nhận. Bà Y số tiền ông B

đóng lãi cho bà 2.700.000 đồng là sau khi viết giấy mượn tiền, đây là số tiền ông B trả lãi cho khoản vay trước đó nên không liên quan đến việc ông mượn 92.000.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu phía Ngân hàng giao nộp tài liệu, chứng cứ việc ông B, ông H nộp vào tài khoản của bà Y tại Ngân hàng; Đối chiếu các tài liệu, chứng cứ phía Ngân hàng đã cung cấp có đủ cơ sở xác định ông B có nộp tiền vào tài khoản của bà Y nhưng đều thể hiện trước thời điểm ông B viết Giấy mượn tiền vào ngày 22/6/2016.

Ông Nguyễn Tấn B, Nguyễn Tấn H kháng cáo yêu cầu Tòa án không công nhận giấy mượn tiền đề ngày 22/6/2016, cho rằng số tiền 92.000.000 đồng mà ông B viết trong giấy mượn tiền là do bà Y đọc cho ông B viết, đây là khoản tiền gốc và lãi mà bà Y cộng gộp lại chứ thực tế ông B không nợ bà Y khoản tiền này; ông H thì cho rằng ông có tên mặt ký tên trong biên nhận nợ mà việc ký tên ông là do ông B thực hiện nên hợp đồng vay không phù hợp; nhưng các ông không cung cấp được chứng cứ nào mới.

[3] Luật sư Nguyễn Hữu Đ phát biểu: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào giấy mượn nợ ngày 22/6/2018 buộc ông B phải trả cho bà Y số tiền 92.000.000đ là không đúng; vì thời điểm ông B viết giấy mượn tiền thì không có mặt ông H để ký tên, ông B ký tên thay cho ông H; nội dung trong giấy mượn tiền do bà Y đọc cho ông B viết; số tiền 92.000.000đ trong giấy mượn nợ là khoản tiền bao gồm tiền gốc của lần vay trước đó cộng chung với tiền lãi chậm trả được tính dồn vào các lần tiếp theo. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ việc cho vay nặng lãi, có tính chất “lãi mẹ đẻ lãi con trong thời gian dài từ 2013-2016” của bà . Trên thực tế, ông B đã đóng lãi cho bà Y nhiều lần với số tiền lớn nhưng không làm biên nhận và đã trả lãi số tiền 39.000.000đ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không công nhận giấy mượn tiền ngày 22/6/2016; xem xét cân trừ số tiền lãi mà ông B đã đóng cho bà Y.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của các Thẩm phán và Thư ký Tòa án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm như: Thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm theo đúng quy định Điều 285; đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm theo Điều 286; yêu cầu đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ theo Điều 287; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm theo đúng quy định tại Điều 290 và triệu tập những người tham gia xét xử phúc thẩm theo Điều 294 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, phạm vi xét xử phúc thẩm và thủ tục phiên tòa.

Đối với các đương sự, từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay được thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 234 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Ông Nguyễn Tấn B và ông Nguyễn Tấn H kháng cáo cho rằng số tiền 92.000.000đ trong giấy mượn tiền ngày 22/6/2018 là bao gồm tiền gốc và lãi mà bà Y đã cộng dồn vào nhưng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh cho việc tính lãi của bà Y ngoài giấy mượn tiền trên. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B và ông Hòa. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm tuyên vẫn tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/KCTT ngày 23/01/2017 cho đến khi thi hành án xong. Nhưng lại không giải quyết triệt để số tiền 30.000.000đồng bà Y đã nộp để thực hiện biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh huyện Ch là thiếu sót, cần phải sửa án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Tấn B, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tấn H; Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 77/2018/DS-ST ngày 09/5/2018 Tòa án nhân dân huyện Ch.

Bà Đỗ Nguyễn Huỳnh Y được nhận lại số tiền 30.000.000 đồng theo sổ tiết kiệm số AD00001629267 ngày 23/01/2017 bà Y đã nộp để thực hiện biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh huyện Ch.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Tấn B, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tấn H, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy: Giấy mượn tiền ngày 22/6/2016 thể hiện ông Nguyễn Tấn B có nhận của bà Đỗ Nguyễn Huỳnh Y số tiền 92.000.000đồng hồ sơ vụ án cho thấy bản chất giao dịch phát sinh giữa bà Y là ông B là hợp đồng vay có lãi vì các bên đều thừa nhận đã giao dịch trả vốn và lãi từ năm 2013 đến nay. Việc ông B không thanh toán khoản nợ từ ngày 22/6/2016 đến nay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Tại giấy mượn tiền ngày 22/6/2016 do ông B tự viết và ký tên có hình thức và nội dung hoàn toàn phù hợp với hợp đồng vay tài sản được quy định tại các Điều 117, 119 và 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Việc xác nhận của ông H trên giấy mượn tiền tuy không có thực nhưng không đủ cơ sở làm vô hiệu hợp đồng vay theo Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2015 theo yêu cầu kháng cáo của ông B và ông H. Ông B vẫn phải thực hiện theo đúng thỏa thuận tại giấy mượn tiền ngày 22/6/2016.

Ông Nguyễn Tấn B, ông Nguyễn Tấn H kháng cáo cho rằng bản chất giao dịch dân sự này chỉ là một lần vay nợ xuyên suốt từ cuối năm 2013 đến năm 2016, nhưng ông B, ông H không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Giấy mượn tiền ngày 15/10/2014, cho thấy bà Y cho ông B vay 40.000.000 đồng ngoài ra không có nội dung nào thể hiện được giấy mượn tiền ngày 22/6/2016 là do cộng dồn vốn và lãi từ giấy mượn tiền ngày 15/10/2014. Các giấy nộp tiền tại Ngân hàng mà ông B cung cấp là ông B đã nộp vào tài khoản của bà Y với số tiền lần lượt 20.000.000đ vào ngày 24/9/2014; 1.000.000 đồng vào ngày 16/9/2014; 3.500.000đ vào các tháng 12/2014 và tháng 4/2015; nộp 3.700.000đ vào tháng 6/2015 và khai nhận số tiền đóng lãi theo lãi suất 10%/ tháng cho bà

Y, đối với khoản vay 25.000.000đ từ cuối năm 2013 đến năm 2014 bà Y cộng dồn thành 40.000.000đ, nhưng sau khi đối chiếu nhận thấy hoàn toàn không có sự trùng khớp nào giữa số tiền ông nộp vào tài khoản cho bà Y và số tiền lãi 10% của khoản nợ ông khai nhận. Các biên lai nộp tiền thể hiện rõ, tất cả các lần nộp tiền này đều phát sinh trước ngày 22/6/2016 - trước ngày ông B viết giấy mượn bà Y số tiền 92.000.000đ đều này lại hoàn toàn phù hợp với lời khai của bà Y là bà đã cho ông B vay nhiều lần từ năm 2013 và ông đã trả đầy đủ vốn lãi cho bà, chỉ có lần vay ngày 22/6/2016 ông chưa trả.

Tại giấy mượn tiền ngày 26/6/2016, ông B có xác nhận là đã nhận đủ số tiền 92.000.000đ, đồng thời trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông B cũng thừa nhận giấy mượn tiền này do chính ông viết từ đó đủ cơ sở buộc ông có nghĩa vụ trả lại vốn và lãi theo yêu cầu của bà Y là hoàn toàn có căn cứ.

Về lãi suất: do hai bên không thỏa thuận trong hợp đồng vay nhưng đều thừa nhận đây là giao dịch vay có lãi. Do đó, cấp sơ thẩm đã căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tính lãi là phù hợp, cụ thể tiền lãi ông B phải trả (Từ ngày 22/6/2016 đến ngày 8/5/2018) là: $92.000.000 \text{ đ} \times 10\%/\text{năm} \times 685 \text{ ngày} = 17.625.000\text{đ}$.

Tại biên bản tòa Sơ thẩm ngày 09/8/2018, ông B đã thừa nhận từ khi viết biên nhận nhận nợ ngày 22/6/2018 đến nay ông chưa trả cho bà Y bất kỳ khoản tiền nào, số tiền 2.700.000 đồng tại biên nhận của Ngân hàng ngày 19/7/2016 ông chuyển khoản cho bà Y không liên quan đến số tiền vay 92.000.000 đ nên ông B phải có trách nhiệm trả nợ cho bà Y tổng cộng số tiền 92.000.000đ + lãi 17.625.000đ = 109.625.000đ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông B trả cho bà Y số tiền 109.625.000đ là đúng theo quy định tại các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, nên kháng cáo của ông Nguyễn Tấn B, ông Nguyễn Tấn H không có căn cứ chấp nhận.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/KCTT ngày 23/01/2017 cho đến khi thi hành án xong. Đã buộc nguyên đơn nộp số tiền 30.000.000đ để thực hiện biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh huyện Ch, nhưng cấp sơ thẩm lại không hoàn trả lại cho nguyên đơn khi án có hiệu lực pháp luật là thiếu sót, nên cấp phúc thẩm cần bổ sung cho đầy đủ.

Từ những nhận định trên, cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang. Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh An Giang căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Tấn B và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tấn H; Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 77/2018/DS-ST ngày 09/5/2018 Tòa án nhân dân huyện Ch.

Bà Đỗ Nguyễn Huỳnh Y được nhận lại số tiền 30.000.000đồng theo sổ tiết kiệm số AD00001629267 ngày 23/01/2017 bà Y đã nộp để thực hiện biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn- Chi nhánh huyện Ch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015,

Áp dụng: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Phúc xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Tấn B và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tấn H.

Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 77/2018/DS-ST ngày 09/5/2018 Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh An Giang.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y, buộc ông B có trách nhiệm trả cho bà Y 109.265.000 đồng (Một trăm lẻ chín triệu hai trăm sáu mươi lăm ngàn); trong đó vốn gốc 92.000.000 đồng, lãi 17.265.000 đồng.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/KCTT ngày 23 tháng 01 năm 2017 cho đến khi thi hành án xong;

Bà Đỗ Nguyễn Huỳnh Y được nhận lại số tiền 30.000.000 đồng theo sổ tiết kiệm số AD00001629267 ngày 23/01/2017 bà Y đã nộp để thực hiện biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn- Chi nhánh huyện Ch.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyết định chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Về án phí:

+ Về án phí sơ thẩm: Bà Y không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Y 2.300.000 đồng (*Hai triệu, ba trăm nghìn*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số TU/2015/0013372 ngày 23/01/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ch;

Ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.463.000(Năm triệu bốn trăm sáu mươi ba ngàn) đồng.

+ Về án phí phúc thẩm: ông Nguyễn Tấn B phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm (được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0002264 ngày 24/5/2008 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch).

Nguyễn Tấn H phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm (được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0002278 ngày 23/5/2008 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch) .

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 31/8/2018).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại tp. Hồ Chí Minh.
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- THADS huyện Ch;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Cao Minh Lễ